



Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/ABS-DVCK25

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2025

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN
GIAO DỊCH KÝ QUỸ THÁNG 07/2025**

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam

Công ty CP chứng khoán An Bình xin báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ như sau:

1. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK Hà Nội

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	ADC			ADC
2	AMC			AMC
3	ARM			ARM
4	ATS			ATS
5	BAB			BAB
6	BAX			BAX
7	BBS			BBS
8	BCF			BCF
9	BDB	BDB		
10	BED			BED
11	BKC			BKC
12	BPC			BPC
13	BSC			BSC
14	BST	BST		
15	BTW			BTW
16	BVS			BVS
17	BXH			BXH
18	CAP			CAP
19	CCR			CCR
20	CDN			CDN
21	CEO			CEO
22	CIA			CIA
23	CKV			CKV

24	CLH			CLH
25	CLM			CLM
26	CMS			CMS
27	CPC			CPC
28	CSC			CSC
29	CTB			CTB
30	CTT			CTT
31	CX8			CX8
32	D11			D11
33	DAD			DAD
34	DAE			DAE
35	DC2			DC2
36	DHP			DHP
37	DHT			DHT
38	DL1			DL1
39	DNC			DNC
40	DNP			DNP
41	DP3			DP3
42	DTD			DTD
43	DTK			DTK
44	DVM			DVM
45	DXP			DXP
46	EBS			EBS
47	EID			EID
48	GDW			GDW
49	GIC			GIC
50	GMX			GMX
51	HAD			HAD
52	HAT			HAT
53	HBS			HBS
54	HCC			HCC
55	HGM			HGM
56	HHC			HHC
57	HJS			HJS
58	HLC			HLC
59	HMR			HMR
60	HTC			HTC
61	HUT			HUT
62	HVT			HVT
63	IDC			IDC

64	IDV			IDV
65	INC			INC
66	INN			INN
67	IPA			IPA
68	IVS			IVS
69	KMT			KMT
70	KSF			KSF
71	KST			KST
72	L14			L14
73	LAS			LAS
74	LHC			LHC
75	LIG			LIG
76	MBS			MBS
77	MCC			MCC
78	MCF			MCF
79	MCO			MCO
80	MDC			MDC
81	MEL			MEL
82	MKV			MKV
83	MVB			MVB
84	NAG			NAG
85	NAP			NAP
86	NBC			NBC
87	NBW			NBW
88	NET			NET
89	NFC			NFC
90	NSH			NSH
91	NST			NST
92	NTH			NTH
93	NTP			NTP
94	PBP			PBP
95	PCE			PCE
96	PCH			PCH
97	PCT			PCT
98	PDB			PDB
99	PGN			PGN
100	PGS			PGS
101	PIA			PIA
102	PIC			PIC
103	PLC			PLC

104	PMB			PMB
105	PMC			PMC
106	PMP			PMP
107	PMS			PMS
108	POT			POT
109	PPP			PPP
110	PPS			PPS
111	PPY			PPY
112	PRC			PRC
113	PRE			PRE
114	PSC			PSC
115	PSD			PSD
116	PSE			PSE
117	PSI			PSI
118	PSW			PSW
119	PTS			PTS
120	PVB			PVB
121	PVC			PVC
122	PVG			PVG
123	PVI			PVI
124	PVS			PVS
125	QHD			QHD
126	QST			QST
127	RCL			RCL
128	S55			S55
129	S99			S99
130	SAF			SAF
131	SCG			SCG
132	SCI			SCI
133	SD5			SD5
134	SD9			SD9
135	SDC			SDC
136	SDN			SDN
137	SEB			SEB
138	SED			SED
139	SGC			SGC
140	SHE			SHE
141	SHN			SHN
142	SHS			SHS
143	SJ1			SJ1

144	SJE			SJE
145	SLS			SLS
146	SMN			SMN
147	STC			STC
148	SVN			SVN
149	SZB			SZB
150	TA9			TA9
151	TDT			TDT
152	TET			TET
153	THD			THD
154	THS			THS
155	THT			THT
156	TMB			TMB
157	TMC			TMC
158	TNG			TNG
159	TOT			TOT
160	TPP			TPP
161	TSB			TSB
162	TTC			TTC
163	TTT			TTT
164	TV4			TV4
165	TVD			TVD
166	UNI			UNI
167	V12			V12
168	VBC			VBC
169	VC3			VC3
170	VC6			VC6
171	VC7			VC7
172	VCC			VCC
173	VCS			VCS
174	VGS			VGS
175	VHE			VHE
176	VIF			VIF
177	VMS			VMS
178	VNC			VNC
179	VNR			VNR
180	VSA			VSA
181	VSM			VSM
182	VTH			VTH
183	VTZ			VTZ

184	WCS			WCS
-----	-----	--	--	-----

2. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK Hồ Chí Minh

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	AAA			AAA
2	ABR			ABR
3	ABT			ABT
4	ACB			ACB
5	ACC			ACC
6	ACL			ACL
7	ADS			ADS
8	AGG			AGG
9	AGR			AGR
10	ANV			ANV
11	ASM			ASM
12	AST			AST
13	BAF			BAF
14	BBC			BBC
15	BCM			BCM
16	BFC			BFC
17	BHN			BHN
18	BIC			BIC
19	BID			BID
20	BKG			BKG
21	BMC			BMC
22	BMI			BMI
23	BMP			BMP
24	BRC			BRC
25	BSI			BSI
26	BTP			BTP
27	BTT			BTT
28	BVH			BVH
29	BWE			BWE
30	CCI			CCI
31	CCL			CCL
32	CDC			CDC

33	CHP			CHP
34	CII			CII
35	CLC			CLC
36	CLW			CLW
37	CMG			CMG
38	CMV			CMV
39	CNG			CNG
40	COM			COM
41	CRC			CRC
42	CSM			CSM
43	CSV			CSV
44	CTD			CTD
45	CTF			CTF
46	CTG			CTG
47	CTI			CTI
48	CTR			CTR
49	CTS			CTS
50	CVT			CVT
51	DAT			DAT
52	DBC			DBC
53	DBD			DBD
54	DBT			DBT
55	DCL			DCL
56	DCM			DCM
57	DGC			DGC
58	DGW			DGW
59	DHA			DHA
60	DHC			DHC
61	DHG			DHG
62	DHM			DHM
63	DIG			DIG
64	DPG			DPG
65	DPM			DPM
66	DPR			DPR
67	DRC			DRC
68	DRL			DRL
69	DSC			DSC
70	DSN			DSN
71	DTA			DTA
72	DTT			DTT
73	DVP			DVP
74	DXG			DXG
75	E1VFN30			E1VFN30
76	EIB			EIB
77	ELC			ELC

78	EVF			EVF
79	FIR			FIR
80	FMC			FMC
81	FPT			FPT
82	FRT			FRT
83	FTS			FTS
84	FUEMAV30			FUEMAV30
85	FUESSV30			FUESSV30
86	FUESSVFL			FUESSVFL
87	FUEVFNVD			FUEVFNVD
88	FUEVN100			FUEVN100
89	GAS			GAS
90	GDT			GDT
91	GEG			GEG
92	GEX			GEX
93	GMD			GMD
94	GMH			GMH
95	GSP			GSP
96	GTA			GTA
97	GVR			GVR
98	HAH			HAH
99	HAP			HAP
100	HAX			HAX
101	HCD			HCD
102	HCM			HCM
103	HDB			HDB
104	HDC			HDC
105	HDG			HDG
106	HHP			HHP
107	HHS			HHS
108	HHV			HHV
109	HMC			HMC
110	HPG			HPG
111	HQC			HQC
112	HRC			HRC
113	HSG			HSG
114	HSL			HSL
115	HTI			HTI
116	HTL			HTL
117	HTN			HTN
118	HTV			HTV
119	HUB			HUB
120	HVH			HVH
121	IDI			IDI
122	IJC			IJC

123	ILB			ILB
124	IMP			IMP
125	ITC			ITC
126	KBC			KBC
127	KDC			KDC
128	KDH			KDH
129	KHG			KHG
130	KHP			KHP
131	KMR			KMR
132	KOS			KOS
133	KSB			KSB
134	L10			L10
135	LAF			LAF
136	LBM			LBM
137	LCG			LCG
138	LGC			LGC
139	LHG			LHG
140	LIX			LIX
141	LM8			LM8
142	LPB			LPB
143	LSS			LSS
144	MBB			MBB
145	MCP			MCP
146	MIG			MIG
147	MSB			MSB
148	MSH			MSH
149	MSN			MSN
150	MWG			MWG
151	NAB			NAB
152	NAF			NAF
153	NAV			NAV
154	NBB			NBB
155	NCT			NCT
156	NHA			NHA
157	NHH			NHH
158	NHT			NHT
159	NKG			NKG
160	NLG			NLG
161	NNC			NNC
162	NSC			NSC
163	NTL			NTL
164	OCB			OCB
165	OPC			OPC
166	PAC			PAC
167	PAN			PAN

168	PC1			PC1
169	PDN			PDN
170	PDR			PDR
171	PET			PET
172	PGC			PGC
173	PGD			PGD
174	PGI			PGI
175	PHC			PHC
176	PHR			PHR
177	PJT			PJT
178	PLX			PLX
179	PNC			PNC
180	PNJ			PNJ
181	POW			POW
182	PPC			PPC
183	PTB			PTB
184	PVD			PVD
185	PVP			PVP
186	PVT			PVT
187	REE			REE
188	S4A			S4A
189	SAB			SAB
190	SAM			SAM
191	SBA			SBA
192	SBT			SBT
193	SCR			SCR
194	SCS			SCS
195	SFC			SFC
196	SFG			SFG
197	SFI			SFI
198	SGN			SGN
199	SGT			SGT
200	SHA			SHA
201	SHB			SHB
202	SHI			SHI
203	SHP			SHP
204	SIP			SIP
205	SJD			SJD
206	SJS			SJS
207	SKG			SKG
208	SMB			SMB
209	SRC			SRC
210	SSB			SSB
211	SSI			SSI
212	ST8			ST8

213	STB			STB
214	STG			STG
215	SVC			SVC
216	SVI			SVI
217	SVT			SVT
218	SZC			SZC
219	SZL			SZL
220	TBC			TBC
221	TCB			TCB
222	TCH			TCH
223	TCL			TCL
224	TCM			TCM
225	TCO			TCO
226	TCT			TCT
227	TDG			TDG
228	TDM			TDM
229	TDP			TDP
230	TDW			TDW
231	TEG			TEG
232	THG			THG
233	TIP			TIP
234	TIX			TIX
235	TLG			TLG
236	TMP			TMP
237	TMS			TMS
238	TN1			TN1
239	TNC			TNC
240	TNH			TNH
241	TNT			TNT
242	TPB			TPB
243	TRA			TRA
244	TRC			TRC
245	TTA			TTA
246	TV2			TV2
247	TVS			TVS
248	TVT			TVT
249	UIC			UIC
250	VCB			VCB
251	VCF			VCF
252	VCG			VCG
253	VCI			VCI
254	VDP			VDP
255	VDS			VDS
256	VFG			VFG
257	VGC			VGC

258	VHC			VHC
259	VHM			VHM
260	VIB			VIB
261	VIC			VIC
262	VID			VID
263	VIP			VIP
264	VIX			VIX
265	VJC			VJC
266	VND			VND
267	VNG			VNG
268	VNM			VNM
269	VNS			VNS
270	VOS			VOS
271	VPB			VPB
272	VPD			VPD
273	VPG			VPG
274	VPI			VPI
275	VPS			VPS
276	VRC			VRC
277	VRE			VRE
278	VSC			VSC
279	VSI			VSI
280	VTO			VTO
281	VTP			VTP
282	YBM			YBM
283	YEG			YEG
284			BSR	BSR
285			DC4	DC4
286			GEE	GEE

- Đường link đăng tải thông tin nói trên trên website của công ty: <https://www.abs.vn/bao-cai-thang-gui-so-ck-vn-t07-2025/>

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này

-Kính báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam

Người lập

Phó Tổng Giám đốc

Trần Thị Thu Hương

